

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn học phí cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí học kỳ 1, năm học 2025 - 2026 cho 90 sinh viên.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, Thanh tra Đào tạo, Giám đốc Phân hiệu Long An, Gia Lai, khoa đào tạo có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Nguyễn*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: TC-HC, CTCT&HSSV.My

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

DANH SÁCH

Sinh viên được miễn học phí học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 3509/QĐ-ĐHSP, ngày 03/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Tên ĐTMG	Mã ĐTMG	Ghi chú
1	48.01.401.113	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Phương	23/02/2004	SP Khoa học Tự nhiên	Con thương binh	01	
2	48.01.608.066	Nguyễn Việt	Thành	08/10/2004	Quốc tế học	Con thương binh	01	
3	48.01.751.020	Vũ Thành	Danh	18/11/2003	Ngôn ngữ Anh	Con thương binh	01	
4	48.01.754.106	Nguyễn Thị Cẩm	Nhàn	18/04/2004	Ngôn ngữ Trung Quốc	Con thương binh	01	
5	48.01.755.087	Nguyễn Đặng Thanh	Tâm	28/02/2004	Ngôn ngữ Nhật	Con thương binh	01	
6	48.01.904.042	Hà Thị Mỹ	Phương	20/05/2004	Giáo dục Đặc biệt	Con thương binh	01	
7	48.01.601.001	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	27/08/2003	Sư phạm Ngữ văn	Con thương binh	01	NCXH
8	48.01.104.098	Nguyễn Phúc	Nguyên	05/06/2003	Công nghệ Thông tin	Khuyết tật	03	
9	48.01.611.024	Võ Hoàng	Khang	06/11/2003	Tâm lý học	Khuyết tật	03	
10	48.01.611.058	Nguyễn Thành	Phát	30/12/2004	Tâm lý học	Khuyết tật	03	
11	48.01.611.062	Đặng Lê Minh	Quang	25/04/2004	Tâm lý học	Khuyết tật	03	
12	48.01.614.088	Lưu Nhật	Vũ	03/11/2001	Tâm lý học	Khuyết tật	03	

13	48.01.901.176	Lê Thị Hồng	Nhung	01/10/2004	Giáo dục Tiểu học	Khuyết tật		03	
14	48.01.904.062	Hồ Thị Ái	Vy	31/05/2003	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
15	48.01.608.010	Nguyễn Thảo	Đan	18/02/2004	Quốc tế học	Khuyết tật		03	
16	48.01.754.095	Hoàng Thị Thuý	Ngân	26/02/2004	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS, Hộ nghèo		04	
17	48.01.901.136	Thông Thị Diệu	Ngân	06/07/2004	Giáo dục Tiểu học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
18	49.01.101.066	Lê Thị Thanh	Nhàn	14/12/2005	Sư phạm Toán học	Con thương binh		01	NCXH
19	49.01.301.032	Tổng Phạm Tú	Uyên	03/11/2005	Sư phạm Sinh học	Con thương binh		01	NCXH
20	49.01.606.091	Nguyễn Minh	Trí	15/06/2005	Văn học	Con thương binh		01	
21	49.01.756.029	Phan Thuý Bảo	Hân	07/10/2005	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Con thương binh		01	
22	49.01.901.123	Lê Thị Huỳnh	Lộc	23/03/2005	Giáo dục Tiểu học	Con thương binh		01	
23	49.01.753.034	Đinh Thị Mỹ	Ly	02/02/2005	Ngôn ngữ Pháp	Con bệnh binh		01	
24	49.01.607.075	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	10/01/2005	Việt Nam học	Mồ côi cha mẹ		02	
25	49.01.611.001	Dương Văn	Khanh	12/05/1997	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
26	49.01.756.094	Nguyễn Anh	Vũ	18/08/2005	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Khuyết tật		03	
27	49.01.614.001	Phạm Trường Gia	Hân	24/06/2003	Tâm lý học Giáo dục	Khuyết tật		03	
28	49.01.611.095	Từ Thị Linh	Tri	26/05/2005	Tâm lý học	DTTS, Hộ nghèo		04	
29	49.01.754.047	Hoàng Thị	Hồng	11/09/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS, Hộ nghèo		04	
30	49.01.904.023	Dương Thị Thúy	Nga	18/04/1997	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH

✓

31	49.01.101.026	Nguyễn Phạm Thế	Duy	15/07/2004	Sư phạm Toán học	Khuyết tật		03	
32	49.01.612.026		Ham	02/03/2005	Tâm lý học	DTTS, Hộ nghèo		04	
33	50.01.756.082	Phan Ngọc Sông	Thu	11/01/2006	Ngôn ngữ Trung Quốc	Con thương binh		01	
34	50.01.611.015	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/09/2005	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
35	50.01.904.007	Lưu Quế	Chi	05/06/2006	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
36	50.01.904.034	Nguyễn Việt	Ngân	02/02/2001	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
37	50.01.611.053	Nguyễn Thanh	Ngân	08/06/2005	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
38	50.01.701.090	Hắc Hồng	Phong	21/05/2005	Sư phạm Tiếng Anh	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
39	50.01.901.063	Hồ Thị	Hiền	21/01/2005	Giáo dục Tiểu học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
40	50.01.901.176	Hồ Thị	Sanh	15/05/2005	Giáo dục Tiểu học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
41	50.01.901.204	Hồ Thị	Thuyết	15/01/2005	Giáo dục Tiểu học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
42	50.01.901.069	Thò Y	Hoa	18/08/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
43	50.01.904.010	Nguyễn Văn	Duy	06/07/2006	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
44	50.01.902.149	Kiểm Thị Phương	Thuận	10/02/2006	Giáo dục Mầm non	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
45	50.01.754.116	Hoàng Thị Yến	Nhi	11/01/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS, Hộ nghèo		04	
46	50.11.901.112	Trần Nguyễn Anh	Thư	09/12/2006	Giáo dục Tiểu học	Khuyết tật		03	NCXH
47	50.01.611.031	Hà Thu	Hoài	26/08/2006	Tâm lý học	DTTS, Hộ nghèo		04	
48	50.01.607.053	Thái Minh	Quân	27/11/2003	Việt Nam học	Khuyết tật		03	

5

49	50.01.605.006	Nguyễn Thị Minh	Châu	16/08/2000	Giáo dục Chính trị	Khuyết tật		03	NCXH
50	50.01.904.011	Nguyễn Thái Hương	Giang	30/09/2004	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
51	49.01.616.046	Rơ Mah H'	Huệ	21/12/2005	SP Lịch sử - Đại lý	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
52	50.01.614.061	Ngô Võ Thành	Nhân	19/12/2005	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
53	50.01.616.106	Qua Xiêm	Sanh	19/05/2006	SP Lịch sử - Đại lý	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
54	50.01.101.088	Hán Thị Hồng	Vy	16/03/2005	Sư phạm Toán học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
55	48.01.617.088	Nguyễn Thị	Xuyến	08/04/2004	Giáo dục học	DTTS, Hộ nghèo		04	
56	50.01.611.027	Triệu Thị	Hằng	02/12/2006	Tâm lý học	DTTS, Hộ nghèo		04	
57	50.01.606.096	Thạch Thị Thảo	Trang	10/05/2004	Văn học	DTTS, Hộ nghèo		04	
58	49.01.606.044	Nguyễn Thị	Mận	10/08/2005	Văn học	Mồ côi cha mẹ		02	
59	51.01.105.072	Đặng Khải	Tâm	07/04/2007	Vật lý học	Khuyết tật		03	
60	51.01.901.062	Phan Nguyễn Mai	Ly	29/09/2007	Giáo dục Tiểu học	Khuyết tật		03	NCXH
61	51.01.754.045	Ngô Thị Thanh	Hằng	14/02/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc	Khuyết tật		03	
62	51.01.612.019	Văn Thị Sa	Hà	24/11/2007	Công tác xã hội	DTTS, Hộ nghèo		04	
63	51.01.751.072	Phan Vĩnh	Khang	14/01/2007	Ngôn ngữ Anh	Khuyết tật		03	
64	51.01.611.006	Nguyễn Thị Tú	Trâm	02/03/2005	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
65	51.01.904.030	Nguyễn Hoàng	Long	22/10/2006	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
66	51.01.616.121	Nông Hương	Trà	28/03/2007	SP Lịch sử - Địa Lý	Con thương binh		01	NCXH

✱

67	51.01.612.057	Nguyễn Thị Yến	Như	26/07/2007	Công tác xã hội	Khuyết tật		03	
68	51.01.904.009	Đoàn Hồng	Cường	13/03/2005	Giáo dục Đặc biệt	Khuyết tật		03	NCXH
69	51.01.614.003	Bùi Đức	Thịnh	15/09/2007	Tâm lý học giáo dục	Khuyết tật		03	
70	51.01.611.004	Phạm Thanh Bảo	Ngọc	16/05/2006	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
71	50.01.618.018	Tô Gia	Như	24/09/2006	Giáo dục công dân	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
72	51.01.611.001	Ngô Thị Thu	Hà	19/08/2006	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
73	51.01.401.164	Trần Ngọc Bảo	Tín	13/05/2007	SP Khoa học Tự nhiên	Con thương binh		01	NCXH
74	50.01.611.068	Huỳnh Tiến	Phát	12/11/2000	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
75	51.01.614.001	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	04/10/2007	Tâm lý học giáo dục	Khuyết tật		03	
76	51.01.613.054	Nguyễn Thị Như	Ý	19/12/2007	Địa lý học	Mồ côi cha mẹ		02	
77	51.01.612.079	Hàng Kim	Trình	10/08/2003	Công tác xã hội	Khuyết tật		03	
78	51.01.754.189	Lư Thị Ngọc	Trân	25/03/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc	Con thương binh		01	
79	51.01.101.132	Lý Y	Trang	12/01/2006	Sư phạm Toán học	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
80	51.01.902.078	Hứa Lê Kim	My	20/03/2007	Giáo dục Mầm non	Mồ côi cha mẹ		02	NCXH
81	51.01.601.089	Lê Thị Hồng	Thương	30/11/2007	Sư phạm Ngữ văn	SVKT, Hộ nghèo		03	NCXH
82	51.01.611.008	Trần Ngọc	Hân	04/05/2007	Tâm lý học	Khuyết tật		03	
83	51.01.401.216	Bùi Thị Bích	Ngọc	22/05/2007	SP Khoa học Tự nhiên	DTTS, Hộ nghèo		04	NCXH
84	51.01.901.123	Bùi Ngọc Phương	Thùy	21/11/2007	Giáo dục Tiểu học	Con thương binh		01	NCCN

✍

85	51.21.902.016		Hoa	19/12/2005	Giáo dục Mầm non	DTTS, Hộ nghèo	04	NCXH
86	51.21.401.046	Siu H' Hoài	Thương	27/10/2007	SP Khoa học tự nhiên	DTTS, Hộ nghèo	04	NCXH
87	51.21.902.015		Hnonh	10/08/2006	Giáo dục Mầm non	DTTS, Hộ nghèo	04	NCXH
88	51.21.901.086	Hà Nguyễn	Nga	23/01/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS, Hộ nghèo	04	NCXH
89	51.21.902.035	Kpă H'	Pa	29/10/2006	Giáo dục Mầm non	DTTS, Hộ nghèo	04	NCXH
90	51.21.902.021	Nay H'	Yuli	30/12/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS, Hộ nghèo	04	NCXH

Danh sách có 90 sinh viên./

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
Cao Anh Tuấn